

| STT | Mã số   | Họ và tên            | Ngày sinh  |            | Vị trí dự tuyển     | Đơn vị dự tuyển     | Hệ đào tạo      | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành        | Ngoại ngữ | Tin học     | Chứng chỉ khác        | Nơi đăng ký hộ khẩu                                                          | Ưu tiên |
|-----|---------|----------------------|------------|------------|---------------------|---------------------|-----------------|---------------------|---------------------|-----------|-------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |         |                      | Nam        | Nữ         |                     |                     |                 |                     |                     |           |             |                       |                                                                              |         |
| 138 | Q920082 | Hứa Hoàng Hạ Vân     |            | 7/8/1993   | Giáo viên nhiều môn | TH Trường Thạnh     | Vừa học-vừa làm | Đại học             | Giáo dục TH         | B         | B           |                       | 1157 Nguyễn Duy Trinh Phường Long Trường Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh        |         |
| 139 | Q920098 | Lê Thị Thúy Quỳnh    |            | 8/9/1996   | Giáo viên nhiều môn | TH Trường Thạnh     | Vừa làm vừa học | Cử nhân             | Giáo dục TH         | B         | CNTT Cơ bản |                       | Số 135 đường 61, phường Phước Long B, Quận 9, TPHCM                          |         |
| 140 | Q920170 | Nguyễn Thị Thanh Đạm |            | 24/12/1983 | Giáo viên nhiều môn | TH Trương Văn Thành | Vừa học vừa làm | Đại học             | Giáo dục TH         | B         | B           |                       | 11/5 Tân Hòa 2, P Hiệp Phú, Q9, TpHCM                                        |         |
| 141 | Q920290 | Lợi Vạn Phúc         | 13/06/1994 |            | Giáo viên nhiều môn | TH Trương Văn Thành | Vừa làm vừa học | Cử nhân             | Giáo dục TH         | B         | A           |                       | Số 10C Đường Lê Lợi, Tổ 3, Khu Phố 2, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.HCM        |         |
| 142 | Q920297 | Phạm Anh Khoa        | 21/01/1995 |            | Giáo viên nhiều môn | TH Trương Văn Thành | Vừa làm vừa học | Đại học             | Giáo dục TH         | B1        | A           |                       | Số 25A Chu Mạnh Trinh, tổ 5, khu phố 3, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, TPHCM |         |
| 143 | Q920008 | Nguyễn Thái Phúc     | 6/12/1990  |            | Giáo viên Thể dục   | TH Trương Văn Thành | Chính Quy       | Cử nhân             | Giáo dục thể chất   | B         | B           | Nghị quyết vụ sự phạm | 07 Lô D chung cư 1Ha Thủ Thiêm Phường An Phú Quận 2 Thành Phố Hồ Chí Minh    |         |
| 144 | Q920096 | Lương Văn Quảng      | 22/04/1991 |            | Công nghệ thông tin | TH Võ Văn Hát       | Chính quy       | Đại học             | Công nghệ thông tin | B         |             |                       | Đức Thạnh - Mộ Đức - Quảng Ngãi                                              |         |
| 145 | Q920072 | Bùi Thị Thúy Vân     |            | 11/3/1992  | Giáo viên nhiều môn | TH Võ Văn Hát       | Vừa làm vừa học | Đại học             | Giáo dục tiểu học   | B         | A           |                       | Thôn Lác Nội, xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.                 |         |
| 146 | Q920097 | Phạm Thị Tuyết Nhung |            | 25/9/1994  | Giáo viên nhiều môn | TH Võ Văn Hát       | Vừa làm vừa học | Cử nhân             | Giáo dục TH         | B         | CNTT Cơ bản |                       | Số 219/10 đường Nguyễn Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TPHCM         |         |
| 147 | Q920251 | Cao Thị Huyền        |            | 23/03/1993 | Giáo viên nhiều môn | TH Võ Văn Hát       | Chính quy       | Đại học             | Giáo dục TH         | B         | A           |                       | Số 52 - Đường TA19A- Phường Thới An- Quận 12                                 |         |

| STT | Mã số   | Họ và tên             | Ngày sinh  |            | Vị trí dự tuyển     | Đơn vị dự tuyển   | Hệ đào tạo      | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành                 | Ngoại ngữ | Tin học     | Chứng chỉ khác                                                     | Nơi đăng ký hộ khẩu                                                    | Ưu tiên |
|-----|---------|-----------------------|------------|------------|---------------------|-------------------|-----------------|---------------------|------------------------------|-----------|-------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |         |                       | Nam        | Nữ         |                     |                   |                 |                     |                              |           |             |                                                                    |                                                                        |         |
| 148 | Q920291 | Thái Thị Thùy Linh    |            | 23/5/1996  | Giáo viên nhiều môn | TH Võ Văn Hát     | Vừa học vừa làm | Cử nhân             | Giáo dục TH                  | B         | B           |                                                                    | 30B ấp Hậu, đường Trần Văn Châm, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, TPHCM |         |
| 149 | Q920210 | Nguyễn Thị Diễm Hương |            | 19/10/1996 | Giáo viên Thể dục   | TH Võ Văn Hát     | Chính quy       | Đại học             | Giáo dục thể chất            | B1        | CNTT Cơ bản | huong dan boi ban dau. CC cứu hộ trực hồ. CC bồi dưỡng kỹ năng dạy | 105/3 Ấp Chợ Ông Bái-Xã An Lục Long- Huyện Châu Thành- Long An.        |         |
| 150 | Q920084 | Đinh Kim Phụng        |            | 7/1/1989   | Giáo viên Anh văn   | THCS Đặng Tấn Tài | VỪA LÀM VỪA HỌC | CỬ NHÂN             | NGŨ VĂN ANH                  | B         | CNTT Cơ bản | Nghịệp vụ sư phạm                                                  | 73/10, tổ 3, khu phố 2, phường Phước Long B, Quận 9, TPHCM             |         |
| 151 | Q920012 | Hồ Hoàng Sơn          | 3/20/1994  |            | Giáo viên Địa lí    | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy       | Đại học             | Sư phạm Địa lí               | B         | A           |                                                                    | 025/MT, Mỹ Hòa, Ba Tri, Bến tre                                        |         |
| 152 | Q920081 | Đỗ Toàn Nhất          | 25/03/1986 |            | Giáo viên KTCN      | THCS Đặng Tấn Tài | Vừa làm vừa học | Đại học             | Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp | B         | A           |                                                                    | Cát Hải, Phù Cát, Bình Định                                            |         |
| 153 | Q920157 | Nguyễn Thị Minh Thanh |            | 9/10/1995  | Giáo viên Lý        | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy       | Cử nhân             | Sư phạm Vật Lý               | B1        | A           |                                                                    | Thế Lợi, Tịnh Phong, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi                              |         |
| 154 | Q920235 | Nguyễn Thị Hương      |            | 22/06/1993 | Giáo viên Lý        | THCS Đặng Tấn Tài | Vừa làm vừa học | Đại Học             | Sư phạm Vật Lý               | B         | A           |                                                                    | Thôn 3, xã Đinh Trang Thượng, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng             |         |
| 155 | Q920319 | Võ Thị Kim Tài        |            | 11/11/1992 | Giáo viên Lý        | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy       | Thạc sĩ             | Vật Lý                       | Toeic 610 | B           | Nghịệp vụ sư phạm                                                  | Ấp Lộc Phước, xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh             |         |
| 156 | Q920003 | Nguyễn Phạm Thảo Vân  |            | 9/12/1989  | Giáo viên Sinh      | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy       | Đại học             | Sinh học                     | B         | B           | Nghịệp vụ sư phạm                                                  | 36/9B Đường số 12, P. Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP.HCM                  |         |
| 157 | Q920280 | Nguyễn Thị Kim Phụng  |            | 8/1/1990   | Giáo viên Sinh      | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy       | Cử nhân             | Sư phạm Sinh học             | B         | A           | UDCNTT trong dạy học                                               | Số 186, tổ 3, ấp 4, xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre   |         |

| STT | Mã số   | Họ và tên            | Ngày sinh  |            | Vị trí dự tuyển    | Đơn vị dự tuyển   | Hệ đào tạo        | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành                               | Ngoại ngữ         | Tin học       | Chứng chỉ khác            | Nơi đăng ký hộ khẩu                                                         | Ưu tiên |
|-----|---------|----------------------|------------|------------|--------------------|-------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------------------|-------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |         |                      | Nam        | Nữ         |                    |                   |                   |                     |                                            |                   |               |                           |                                                                             |         |
| 158 | Q920315 | Trịnh Hoàng Sang     | 20/11/1994 |            | Giáo viên Thể dục  | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy         | Đại học             | Cử nhân huấn luyện thể thao                | B - Tiếng Anh     | CNTT Cơ bản   | Nghệ thuật                | 93 đường 18A, thôn 7, xã Hòa Thuận, TP Buôn Ma Thuột, Dak Lak               |         |
| 159 | Q920145 | Phạm Ngọc Lâm        | 23/12/1992 |            | Giáo viên Toán     | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy         | Đại học             | Sư phạm Toán học                           | B                 | B             |                           | Tổ dân phố 14, thị trấn Đắk Mít, huyện Đắk Mít, tỉnh Đắk Nông               |         |
| 160 | Q920160 | Nguyễn Văn Tình      | 28/5/1994  |            | Giáo viên Toán     | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy         | Thạc Sĩ             | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán | B1                | B             |                           | 360/40, Ấp Tân Hưng, Xã Hưng Khánh Trung A, Huyện Mô Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre  |         |
| 161 | Q920203 | Trần Thị Bích Cẩm    |            | 27/02/1992 | Giáo viên Văn      | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy         | Đại học             | Cử nhân Văn học                            | C                 | CNTT Cơ bản   | Nghệ thuật                | Xóm 3- Thôn Hội An- xã Ân Thạnh- Huyện Hoài Ân - Tỉnh Bình Định             |         |
| 162 | Q920104 | Bùi Thị Hồng Thanh   |            | 22/1/1984  | Nhân viên thư viện | THCS Đặng Tấn Tài | Chính quy         | Trung cấp           | Thư viện - Thiết bị trường học             | B                 | Kỹ thuật viên | Trung cấp Tin học kế toán | Số 130/2A Đường 339 KP5 Phước Long B Quận 9                                 |         |
| 163 | Q920194 | Trần Kim Hà          |            | 6/1/1967   | Nhân viên thư viện | THCS Đặng Tấn Tài | Dài hạn tập trung | Trung cấp           | Đạo động tiền lương                        | B                 | A             | Nghệ thuật                | 20A Đinh Củng Viên, khu phố 2, phường Phước Long A, Quận 9, Tp. HCM         |         |
| 164 | Q920037 | Trần Thị Mai         |            | 19/01/1991 | Giáo viên Anh văn  | THCS Hiệp Phú     | Chính quy         | Cử nhân             | Tiếng Anh                                  | B                 | A             | Chứng chỉ Sư phạm         | 46/4B, đường 22, Phường Phước Long B, Quận 9, Tp.HCM                        |         |
| 165 | Q920078 | Nguyễn Thị Thanh Lan |            | 25/9/1994  | Giáo viên Anh văn  | THCS Hiệp Phú     | Chính quy         | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh                               | Tiếng Trung- HSK3 | A             | Nghệ thuật                | Số 23/3, đường 5, tổ 4, Long Bửu, Phường Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh |         |
| 166 | Q920093 | Đỗ Quốc Khánh        | 3/9/1995   |            | Giáo viên Anh văn  | THCS Hiệp Phú     | Chính quy         | Đại học             | Ngôn ngữ Anh                               | C                 | A             | Nghệ thuật                | 321 Cây Gõ, Ấp Xóm Thuốc, Xã An Phú, Huyện Củ Chi, TPHCM                    |         |
| 167 | Q920169 | Trần Thị xuân Hoa    |            | 26/5/1992  | Giáo viên Anh văn  | THCS Hiệp Phú     | Chính quy         | Đại học             | Tiếng anh                                  | B1                | B             | tiếng Trung B, NVSP       | Tổ 9, KP3, Phường Trảng Dài, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai                     |         |

| STT | Mã số   | Họ và tên            | Ngày sinh |            | Vị trí dự tuyển   | Đơn vị dự tuyển | Hệ đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành        | Ngoại ngữ            | Tin học     | Chứng chỉ khác               | Nơi đăng ký hộ khẩu                                                        | Ưu tiên     |
|-----|---------|----------------------|-----------|------------|-------------------|-----------------|------------|---------------------|---------------------|----------------------|-------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|
|     |         |                      | Nam       | Nữ         |                   |                 |            |                     |                     |                      |             |                              |                                                                            |             |
| 168 | Q920178 | Hoàng Lê Kim Huyền   |           | 22/06/1981 | Giáo viên Anh văn | THCS Hiệp Phú   | Từ xa      | Cử nhân Tiếng Anh   | Giáo viên Tiếng Anh | Bậc 4 (B2)           | B           | Tiếng Pháp (A2)              | Phường Hộ Phòng, Thị Xã Giá Rai, Thành Phố Bạc Liêu                        |             |
| 169 | Q920189 | Hà Thị Thu Hường     |           | 4/11/1987  | Giáo viên Anh văn | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Tiếng Anh           | Tiếng Pháp B         | B           | Chứng chỉ sư phạm            | Số nhà 154, Thôn 4A, Xã EaKly, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk               |             |
| 170 | Q920199 | Nguyễn Thị Thanh Nga |           | 13/10/1990 | Giáo viên Anh văn | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Tiếng Anh           | Tiếng Trung B        | CNTT Cơ bản | NVSP, Tiếng Anh B1           | TK44/26, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM.              |             |
| 171 | Q920212 | Đặng Nữ Như Quỳnh    |           | 5/11/1996  | Giáo viên Anh văn | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Cử nhân             | Sư Phạm Tiếng Anh   | B2                   | A           | Tiếng Trung A2               | Thị trấn Tuy Phước, Tuy Phước, Bình Định                                   |             |
| 172 | Q920071 | Nguyễn Thị Thùy Linh |           | 17/3/1995  | Giáo viên Anh văn | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Sư phạm Anh         | B                    | B           | Nghịệp vụ sư phạm            | 4/3 đường 207 phường Hiệp Phú Quận 9 TP.HCM                                |             |
| 173 | Q920263 | Vũ Thị Huyền Hồng    |           | 15/11/1983 | Giáo viên Anh văn | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Thạc sĩ             | Ngôn ngữ Anh        | Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh | B           | tiếng Pháp B1                | A904 chung cư C3, tổ 14, Khu phố 6, phường Hiệp Phú, Q.9, TP. HCM          |             |
| 174 | Q920265 | Nguyễn Thị Thiết     |           | 23/11/1990 | Giáo viên Anh văn | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Ngôn ngữ anh        | B                    | B           | Nghịệp vụ sư phạm bậc 2      | 75A đường số 2 , phường hiệp bình phước, quận thủ đức,tpchem.              |             |
| 175 | Q920031 | Văn Thị Thanh Tú     |           | 15/07/1991 | Giáo viên Địa     | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại Học             | Sư Phạm Địa Lý      | B                    | A           |                              | 804/4 tổ 1, Kha Vạn Cân, Kp5, Linh Đông, Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh           |             |
| 176 | Q920112 | Đàm Thị Mỹ Thi       |           | 27/8/1991  | Giáo viên GDCD    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Giáo dục chính trị  | A2                   | CNTT Cơ bản |                              | 369/8 tổ 12, khu phố 5, phường Phước Long B, đường Đỗ Xuân Hợp, Q9, TP.HCM | Dân tộc Tày |
| 177 | Q920227 | Đỗ Thị Thanh Hiền    |           | 10/11/1978 | Giáo viên GDCD    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Cử nhân             | Giáo dục công dân   | A2                   | A           | Nâng cao năng lực GV cốt cán | Lô 28 BT4a đường Phúc Lợi, Long Biên, TP Hà Nội.                           |             |

| STT | Mã số   | Họ và tên             | Ngày sinh  |            | Vị trí dự tuyển | Đơn vị dự tuyển | Hệ đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành            | Ngoại ngữ   | Tin học       | Chứng chỉ khác            | Nơi đăng ký hộ khẩu                                           | Ưu tiên       |
|-----|---------|-----------------------|------------|------------|-----------------|-----------------|------------|---------------------|-------------------------|-------------|---------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------|
|     |         |                       | Nam        | Nữ         |                 |                 |            |                     |                         |             |               |                           |                                                               |               |
| 178 | Q920236 | Võ Hùng Vương         | 9/10/1996  |            | Giáo viên GDCD  | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại Học             | Giáo Dục Chính Trị      | B           | CNTT Cơ bản   |                           | 137/ Bà Thoại/ Tân Lân/Cần Đức/Long An                        |               |
| 179 | Q920300 | Trương Tuấn Anh       | 14/04/1996 |            | Giáo viên GDCD  | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Giáo dục chính trị      | B           | CNTT Cơ bản   |                           | Áp An Chánh, Xã Tân Bình, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh      | Sĩ quan dự bị |
| 180 | Q920101 | Nguyễn Thị Thùy       |            | 21/6/1995  | Giáo viên Sinh  | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Sư phạm Sinh học        | B1          | CNTT Cơ bản   |                           | Hải Hòa, Hải Thái, Gio Linh, Quảng Trị                        |               |
| 181 | Q920187 | Huỳnh Thị Xuân Lai    |            | 8/1/1993   | Giáo viên Sinh  | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Công nghệ Sinh học      | Cử nhân Anh | A             | Nghiệp vụ Sư phạm         | Thôn Gia An, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.    |               |
| 182 | Q920237 | Lê Thị Lành           |            | 15/4/1990  | Giáo viên Sinh  | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại Học             | Sư phạm Sinh học        | Bậc 3       | CNTT Cơ bản   | Công tác Đoàn - Hội - Đội | Xã Thạch Hạ, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh                         |               |
| 183 | Q920318 | Quảng Thị Minh Thuyền |            | 20/7/1992  | Giáo viên Sinh  | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Sư phạm sinh học        | B           | A             | TC CDNN GV II             | Hiếu Lễ, Phước Hậu, Ninh Phước, Ninh Thuận                    | Dân tộc Chăm  |
| 184 | Q920214 | Đào Thị Thảo          |            | 30/12/1995 | Giáo viên Sinh  | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Sư phạm Sinh học        | B           | B             |                           | Xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam                  |               |
| 185 | Q920338 | Quang Bảo Trang       |            | 20/02/1997 | Giáo viên Sinh  | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Cử nhân             | Sư phạm Sinh học        | B           | UDCNTT Cơ bản |                           | Thôn Giang Châu, Xã Ea Dăh, Huyện Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk    | Dân tộc Tày   |
| 186 | Q920075 | Nguyễn Lâm Lực        | 25/7/1992  |            | Giáo viên Sử    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Cử nhân Sư phạm Lịch sử | B           | A             |                           | Đội 8, thôn Gia Trị, xã Ân Đức, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định |               |
| 187 | Q920102 | Khê Thị Thu Thủy      |            | 28/09/1994 | Giáo viên Sử    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Cử nhân Lịch Sử         | B           | B             |                           | Số 480 Bình Minh, Phan Hòa, Bắc Bình, Bình Thuận              | Dân tộc Chăm  |

| STT | Mã số   | Họ và tên           | Ngày sinh  |            | Vị trí dự tuyển   | Đơn vị dự tuyển | Hệ đào tạo      | Trình độ chuyên môn     | Chuyên ngành        | Ngoại ngữ | Tin học     | Chứng chỉ khác            | Nơi đăng ký hộ khẩu                                                | Ưu tiên         |
|-----|---------|---------------------|------------|------------|-------------------|-----------------|-----------------|-------------------------|---------------------|-----------|-------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |         |                     | Nam        | Nữ         |                   |                 |                 |                         |                     |           |             |                           |                                                                    |                 |
| 188 | Q920185 | Phan Thị Thu Hiền   |            | 26/12/1982 | Giáo viên Sư      | THCS Hiệp Phú   | Vừa làm vừa học | Đại học                 | Sư phạm Lịch sử     | C         | A           | BDTC CDNN THCS hạng II    | Thôn 2 - xã Thạch Đà - Mê Linh - Hà Nội                            | Con thương binh |
| 189 | Q920254 | Hán Quang Thoại     | 14/05/1989 |            | Giáo viên Sư      | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Cử nhân Sư phạm Lịch sử | Sư phạm Lịch sử     | Toeic 835 | B           |                           | Như Ngọc, Phước Thái, Ninh Phước, Ninh Thuận                       | Dân tộc Chăm    |
| 190 | Q920285 | Trần Thị Yên        |            | 9/7/1994   | Giáo viên Sư      | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Đại Học                 | Sư Phạm Lịch Sử     | B         | B           | Quốc phòng an ninh HSK II | Số 33, Đường 51, ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Củ Chi, HCM        |                 |
| 191 | Q920298 | Trần Thị Hồng Nhị   |            | 10/3/1992  | Giáo viên Sư      | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Thạc sĩ                 | Lịch Sử Việt Nam    | B1        | B           | Nghiệp vụ sư phạm         | Xóm 1 - Hy Văn - Hoài Sơn - Hoài Nhơn - Bình Định                  | Con thương binh |
| 192 | Q920025 | Đạo Diễm My         |            | 5/4/1994   | Giáo viên Sư      | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Đại Học                 | Sư Phạm Lịch Sử     | B         | B           |                           | Phước Nhơn 3, Xuân Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận                       |                 |
| 193 | Q920239 | Trần Viết Nghĩa     | 2/9/1996   |            | Giáo viên Thể Dục | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Đại học                 | Huấn luyện thể thao | B         | CNTT Cơ bản | Bồi dưỡng NV sư phạm      | Xã Đức Phú huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận                         |                 |
| 194 | Q920249 | Trịnh Minh Sơn      | 10/5/1991  |            | Giáo viên Thể dục | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Cử nhân                 | Giáo dục thể chất   | B         | CNTT Cơ bản | Nghiệp vụ sư phạm         | KDC số 2, thôn Lâm Hạ, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi |                 |
| 195 | Q920339 | Bùi Văn Tiến        |            | 20/4/1991  | Giáo viên Thể dục | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Cử nhân                 | Huấn luyện thể thao | B         | CNTT Cơ bản | Sư phạm thể dục thể thao  | Bắc Ruộng, Tánh Linh, Bình Thuận                                   |                 |
| 196 | Q920340 | Nguyễn Thị Hồng Vân |            | 6/9/1991   | Giáo viên Thể dục | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Cử nhân                 | Huấn luyện thể thao | B1        | CNTT Cơ bản | Nghiệp vụ sư phạm         | Thôn 7, Tiên Cảnh, Tiên Phước, Quảng Nam                           |                 |
| 197 | Q920206 | Trung Văn Toàn      | 5/9/1992   |            | Giáo viên Thể dục | THCS Hiệp Phú   | Chính quy       | Đại Học                 | Giáo dục thể chất   | B         | B           |                           | Thôn Nà tềnh - xã Hoàng Việt - Huyện Văn Lãng - Tỉnh Lạng Sơn      |                 |

| STT | Mã số   | Họ và tên            | Ngày sinh |            | Vị trí dự tuyển   | Đơn vị dự tuyển | Hệ đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành        | Ngoại ngữ   | Tin học        | Chứng chỉ khác    | Nơi đăng ký hộ khẩu                                                | Ưu tiên |
|-----|---------|----------------------|-----------|------------|-------------------|-----------------|------------|---------------------|---------------------|-------------|----------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------|---------|
|     |         |                      | Nam       | Nữ         |                   |                 |            |                     |                     |             |                |                   |                                                                    |         |
| 198 | Q920083 | Nguyễn Văn Hiệp      | 16/6/1986 |            | Giáo viên Tin học | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Công nghệ thông tin | B           |                | Nghiep vụ sư phạm | Thôn 9, Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định                                |         |
| 199 | Q920143 | Đỗ Thị Thanh Dung    |           | 18/2/1996  | Giáo Viên Toán    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Sư Phạm Toán        | B1          | UDCNTT Cơ bản  |                   | Thôn 9, Xã Lộc An, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng                    |         |
| 200 | Q920168 | Nguyễn Khoa Anh Tuấn | 3/1/1994  |            | Giáo Viên Toán    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | ĐẠI HỌC             | XÁC SUẤT THỐNG KÊ   | B           | B              | Nghiep vụ sư phạm | SỐ 14,ĐƯỜNG D1,KHU PHỐ 2,THỊ TRẤN DẦU TIẾNG,BÌNH DƯƠNG             |         |
| 201 | Q920202 | Lê Thị Hương         |           | 20/12/1997 | Giáo viên Toán    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại Học             | Sư phạm Toán        | B           | UDCNTT Cơ bản  |                   | Tân Thủy - Lê Thủy- Quảng Bình                                     |         |
| 202 | Q920255 | Phan Thị Ngọc Anh    |           | 16/11/1997 | Giáo viên Toán    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học    | B           | UDCNTT Cơ bản  |                   | 38/39, KP Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương |         |
| 203 | Q920313 | Trần Thị Trâm        |           | 10/8/1995  | Giáo viên Toán    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Cử nhân             | Sư phạm Toán        | B           | UDCNTT Cơ bản  |                   | Khu 9, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương                            |         |
| 204 | Q920328 | Lê Thị Minh Tuyền    |           | 3/4/1990   | Giáo viên Toán    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Cử nhân             | sư phạm Toán        | Cử nhân Anh | UDCNTT Cơ bản  |                   | Thượng Nguyên- Hải Lâm- Hải Lăng - Quảng Trị                       |         |
| 205 | Q920133 | Trần Thị Hiền        |           | 9/3/1993   | Giáo viên Toán    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Sư phạm Toán Học    | B           | B              |                   | Đông Bình, Nhơn Thọ, An Nhơn, Bình Định.                           |         |
| 206 | Q920231 | Hồ Thị Thu Trúc      |           | 5/12/1997  | Giáo viên Toán    | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Sư phạm Toán học    | C           | UD CNTT cơ bản |                   | thôn Dương Thành, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. |         |
| 207 | Q920041 | Nguyễn Đỗ Uyên Danh  |           | 1/4/1994   | Giáo viên Văn     | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học             | Sư phạm Ngữ văn     | B           | UDCNTT Cơ bản  |                   | Tổ 9, ấp 1, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh        |         |

| STT | Mã số   | Họ và tên              | Ngày sinh |            | Vị trí dự tuyển | Đơn vị dự tuyển | Hệ đào tạo | Trình độ chuyên môn     | Chuyên ngành    | Ngoại ngữ   | Tin học         | Chứng chỉ khác    | Nơi đăng ký hộ khẩu                                 | Ưu tiên      |
|-----|---------|------------------------|-----------|------------|-----------------|-----------------|------------|-------------------------|-----------------|-------------|-----------------|-------------------|-----------------------------------------------------|--------------|
|     |         |                        | Nam       | Nữ         |                 |                 |            |                         |                 |             |                 |                   |                                                     |              |
| 208 | Q920105 | Bùi Thị Ngọc           |           | 13/02/1994 | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học                 | Sư phạm Ngữ văn | B1          | UDCNTT Nâng cao |                   | Xã Hồng Sơn - Huyện hàm Thuận Bắc - Tỉnh Bình Thuận |              |
| 209 | Q920154 | Phan Thị Phương        |           | 16/3/1997  | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học                 | sư phạm Ngữ văn | B           | UDCNTT Cơ bản   |                   | Xã Long-Xá huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An           |              |
| 210 | Q920163 | Võ Thị Linh            |           | 21/05/1996 | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại Học                 | Sư Phạm Ngữ Văn | B           | B               |                   | 78/10 tổ 4, khu phố 6, phường Hiệp Phú , Quận 9     |              |
| 211 | Q920171 | Nguyễn Thị Nhung       |           | 18/10/1989 | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học                 | Sư Phạm Ngữ Văn | B           | B               |                   | 1/33 Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8, TP HCM              |              |
| 212 | Q920196 | Nguyễn Huỳnh Ngọc Sang | 3/7/1996  |            | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học                 | Sư phạm Ngữ văn | B1          | UDCNTT Cơ bản   |                   | Khu phố 4, thị trấn Tân Châu, Tân Châu Tây Ninh     |              |
| 213 | Q920244 | Phú Thị Thanh Thu      |           | 22/11/1995 | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | cử nhân                 | Sư phạm Ngữ văn | B1          | A               |                   | Phước Ninh, Thuận Nam, Ninh Thuận                   | Dân tộc Chăm |
| 214 | Q920288 | Lê Thị Thanh Huệ       |           | 28/8/1990  | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Cử nhân                 | Văn học         | B1          | UDCNTT Cơ bản   | Nghịệp vụ sư phạm | Chư Wâu, Chư A Thai, Phú Thiện, Gia Lai             |              |
| 215 | Q920309 | Nguyễn Thị Bích Nhi    |           | 11/4/1997  | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học Sư phạm Ngữ văn | Sư phạm Ngữ văn | Tiếng anh C | UDCNTT Cơ bản   |                   | Xã Hòa Tân Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên         |              |
| 216 | Q920310 | Nguyễn Thị Kiều Duyên  |           | 30/4/1996  | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học Sư phạm Ngữ văn | Sư phạm Ngữ văn | Tiếng anh C | UDCNTT Cơ bản   |                   | Mỹ Khánh, Đức Thắng, Mộ Đức, Quảng Ngãi             |              |
| 217 | Q920334 | Đỗ Thị Tươi            |           | 16/12/1993 | Giáo viên Văn   | THCS Hiệp Phú   | Chính quy  | Đại học                 | Văn học         | B           | A               | Nghịệp vụ sư phạm | An Phú, Thuận An, Bình Dương                        |              |